

Số: /GPMT-STNMT-KSONMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 831/TB-STNMT-VP ngày 16/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phân công nhiệm vụ ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản và Thông báo số 864/TB-STNMT-VP ngày 23/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường;

Xét văn bản số 17/TB&IN ngày 15/10/2024 của Công ty cổ phần đầu tư thiết bị và in (sau đây gọi là Chủ dự án đầu tư) về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Xây dựng toà nhà thương mại, dịch vụ và văn phòng” (sau đây gọi là Dự án); Văn bản số 37/CV-TBI ngày 25/11/2024 của Công ty cổ phần đầu tư thiết bị và in về việc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Báo cáo số 143/BC-KSONMT ngày 29/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư thiết bị và in, có địa chỉ tại: Số 36 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: “Xây dựng toà nhà thương mại, dịch vụ và văn phòng” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Xây dựng toà nhà thương mại, dịch vụ và văn phòng”.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Số 36 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101375580, do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/3/2020.

1.4. Mã số thuế: 0101375580.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tòa nhà thương mại, dịch vụ văn phòng cho thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Quy mô diện tích đất: Diện tích sử dụng khoảng 3.154 m² (gồm: 2.855 m² đất lập dự án; 299 m² đất trong phạm vi mở đường quy hoạch và hành lang bảo vệ an toàn tuyến điện). Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phần diện tích đất lập dự án 2.855 m², diện tích xây dựng công trình khoảng 2.286 m²; Mật độ xây dựng 80%; Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 17.758 m² (chưa bao gồm tầng hầm, tầng tum).

- Quy mô xây dựng: Toà nhà thương mại, dịch vụ và văn phòng gồm 08 tầng nổi + 01 tum thang kỹ thuật + 5 tầng hầm.

(Quyết định chủ trương đầu tư số 2892/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND thành phố Hà Nội chứng nhận Nhà đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và In).

* Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần đầu tư thiết bị và in:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường phối hợp với UBND quận Đống Đa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố; (để b/cáo)
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Phòng Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- UBND quận Đống Đa;
- Công ty cổ phần đầu tư thiết bị và in;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT Hà Nội;
- Lưu: VT, KSONMT.(Trang)

MHS: H26.14-241021-0009.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT-KSONMT ngày / /2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải xí tiêu phát sinh từ các khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thoát sàn, chậu rửa phát sinh từ các khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước cấp.
- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa lọc hệ thống lọc nước mưa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Cát Linh thuộc địa bàn phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hồ ga G2 (hồ ga cuối) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực (tuyến công D800 trên phố Cát Linh).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X= 2 326 404; Y= 586 057.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1; cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ^(*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ^(**)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		

10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

(*)(**): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Thiết kế hệ thống thu gom nước thải của dự án riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải từ xí, tiểu từ các nhà vệ sinh → Đường ống D100 → Đường ống D140 → Bể tự hoại thể tích 53m^3 → Đường ống D140 → Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ nhà bếp → Đường ống D110 → Bể tách dầu mỡ thể tích 17m^3 → Đường ống D110 → Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thoát sàn, chậu rửa từ các nhà vệ sinh → Đường ống D75, D140 → Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước rửa lọc từ hệ thống xử lý nước cấp → Đường ống D75 → Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước rửa lọc từ hệ thống lọc nước mưa → Đường ống D60 → Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Thoát nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ được bơm cưỡng bức theo đường ống uPVC D75 ra ngoài (đi trong đường cống D400 chiều dài $L=9\text{m}$) và đầu nối với tuyến cống D800 trên phố Cát Linh tại vị trí hố ga G2.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải:

a) Bể tự hoại: Thiết kế 03 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải xí, tiểu.

- Số lượng bể: 01 bể, tại tầng hầm 05 của tòa nhà.

- Dung tích: 53 m^3 .

b) Bể tách mỡ: Thiết kế 02 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp.

- Số lượng bể: 01 bể.

- Dung tích: $17\text{ m}^3/\text{bể}$.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung:

- Vị trí: Xây ngầm tại tầng hầm 05 của tòa nhà.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí kết hợp MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế: $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, mật ri đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 07/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào (tại bể điều hoà) và 01 mẫu nước thải đầu ra (tại hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực).

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo các nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Thông báo thời điểm vận hành thử nghiệm tới Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo quy định tại khoản 5 và thực hiện trách nhiệm trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT-KSONMT ngày / /2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải sau xử lý từ hệ thống xử lý khí (mùi) của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60m³/ngày đêm.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Tại cuối đường ống PVC D110 ra môi trường.

- Tọa độ điểm xả: X= 2 326 465; Y = 586 076.

(Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.818m³/h.

2.3. Phương thức xả khí thải: Liên tục 24h.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với K_p=1,0 và K_v=0,6; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	30 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng ^(*)	Không thuộc đối tượng ^(**)
2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	4,5 ⁽¹⁾		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15 ⁽²⁾		

()(*) Theo quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT (K_p=1,0 và K_v=0,6).

- ⁽²⁾: giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung

1.1.1 Mạng lưới thu gom: Khí thải phát sinh từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể điều hoà, bể thiếu khí, bể hiếu khí kết hợp MBBR, bể lắng, bể khử trùng) được thu gom theo đường ống thu khí PVC D110 dưới áp suất của quạt hút mùi về

tháp xử lý mùi (hấp thụ bằng NaOH). Khí sạch sau xử lý theo đường ống PVC D110 thoát ra môi trường.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ (NaOH) → Quạt đẩy → Ống thoát khí ra môi trường.

- Lưu lượng: 1.818m³/h.

- Thiết kế tháp hấp thụ mùi: DxH = 800x2.200mm. Vật liệu: Composite.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 32%.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ kỹ thuật, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Thu gom, xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của các thông số tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT-KSONMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung do hoạt động máy phát điện dự phòng số 01.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung do hoạt động máy phát điện dự phòng số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn số 01: Tại tầng hầm 05 (Khu vực đặt nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung). Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X= 2 326 465; Y = 586 076.

- Vị trí nguồn số 02: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng số 01 bên ngoài tầng 01 của toà nhà. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X= 2 326 435; Y = 586 061.

- Vị trí nguồn số 03: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng số 02 bên ngoài tầng 01 của toà nhà. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X= 2 326 436; Y = 586 062.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...).

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bố trí thiết bị giảm chấn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT-KSONMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

ST T	Chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	14
2	Giẻ lau găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	30
4	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13	20
5	Nước thải từ quá trình xử lý khí	Lỏng	12 01 02	146
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	10
Tổng				230

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 138,7 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 1,07 tấn/năm.
- Bùn thải từ bể tự hoại khoảng 85,68 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa riêng biệt, có dung tích 120 lít, bằng nhựa, có nắp đậy, bánh xe, dán mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Diện tích 15m² nằm tại vị trí tầng hầm 05 của toà nhà.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Nhà kho kết cấu bê tông cốt thép, sàn nhà có khả năng chống thấm, không phát tán, rò rỉ chất thải, cửa kho có biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trực tiếp trong bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Bùn thải từ bể tự hoại được lưu chứa trực tiếp trong ngăn chứa bùn, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Không bố trí khu vực lưu chứa.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

+ Từ tầng hầm 5 đến tầng tum: Bố trí dọc hành lang 4 thùng chứa rác màu xanh lá cây và 4 thùng chứa rác màu trắng bằng nhựa loại 100 lít có nắp đậy, bánh xe, màu xanh lá cây đựng rác thải sinh hoạt không có khả năng tái chế như túi nilon, vỏ hoa quả và màu trắng đựng chất thải có khả năng tái chế như giấy loại, bìa carton.

+ Khu nội bộ, cây xanh, sân đường bố trí 4 thùng chứa rác bằng nhựa có bánh xe, nắp đậy, màu xanh lá cây loại 120 lít đặt tại 4 góc của dự án.

+ Trong kho chứa rác thải sinh hoạt từ tầng 2 đến tầng 08 bố trí 3 thùng chứa rác bằng nhựa có bánh xe, nắp đậy, loại 100 lít.

+ Trong kho chứa chất thải rắn thông thường đặt tại tầng hầm 05 bố trí 5 thùng nhựa, có bánh xe, nắp đậy, loại 100 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa:

+ Từ tầng 02 đến tầng 08: Bố trí 7 kho chứa rác thải sinh hoạt diện tích 8m²

+ Bố trí 01 kho chứa chất thải rắn thông thường đặt tại tầng hầm 05 với diện tích 20m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kết cấu bê tông cốt thép, có mái che, có cửa bảo vệ, đèn, lắp đặt biển báo và trang bị thiết bị PCCC.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT-KSONMT ngày / /2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).
7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.